TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN S-TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**: 70**/2024/DSST
Ngày: 16/9/2024
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hanh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Đời
2. Bà Dương Thị Bình

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lã Phú Huy - Cán bộ Toà án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S: Bà Lê Thị Bích Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 122/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2024/QĐXXST-DS ngày 15/8/2024, quyết định hoãn phiên tòa số 133 ngày 31/8/2024 giữa.

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị N,** sinh năm: 1966, Địa chỉ: H01/08 K62 N, tổ F phường T, quận S, Tp Đà Nẵng. Có mặt

- *Bị đơn:* Bà **Hồ Thị Mộng H1,** Sinh năm: 1981, Địa chỉ: 1 T, phường T, quận S, Tp Đà Nẵng. Vắng mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Ngô Thị Diệu H2,** sinh năm: 1948, Địa chỉ: 1 T, phường T, quận S, Tp Đà Nẵng**.** Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/4/2024; bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay bà Trần Thị N trình bày:

Ngày 29/8/2012 qua mối quan hệ quen biết, bà N cho bà H1 vay số tiền là 4.000.000 đồng (có giấy mượn tiền ngày 29/8/2012 do bà H1 viết và ký). Nội dung giấy mượn tiền bà H1 cam kết vào ngày 25 hàng tháng bà H1 có trách nhiệm trả cho bà N số tiền là 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ. Như vậy đến ngày 25/12/2024 bà H1 phải trả hết nợ cho bà N. Vì tin tưởng chỗ bà H2 là mẹ bà H1 và cũng là thông gia của bà N nên bà mới đồng ý cho bà H1 nợ tiền. Tuy nhiên hết thời hạn như giấy nợ thì bà H1 không trả như cam kết. Bà N nhiều lần yêu cầu bà H1 và bà H2 trả nợ nhưng bà H1 và bà H2 không trả và hứa hẹn nhiều lần. Vì thế bà N đã tính lãi chậm phát sinh kể từ ngày

29/12/2012 cho đến ngày 29/5/2024 là 1%/tháng đối với số tiền gốc là 4.000.000 đồng tương ứng 137 tháng với số tiền là 5.480.000 đồng. Quá trình vay bà H1 đã trả cho bà N được 2 lần tiền lãi: Lần 1 vào năm 2020: trả 1.000.000 đồng; Lần 2 vào năm 2022 trả 500.000 đồng. Tổng cộng là 1.500.000 đồng. Hiện nay, bà H1 còn nợ bà số tiền lãi là 3.980.000 đồng. Nay bà N yêu cầu Tòa án buộc bà Hồ Thị Mộng H1 và bà Ngô Thị Diệu H2 trả số tiền là 7.980.000 đồng. Trong đó: nợ gốc là 4.000.000 đồng và nợ lãi là 3.980.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà N xin rút yêu cầu đòi tiền lãi 3.980.000 đồng và yêu cầu bà Hồ Thị Mộng H1 là người viết và ký giấy mượn tiền có trách nhiệm trả số nợ gốc 4.000.000 đồng.

* Bị đơn bà Hồ Thị Mộng H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Diệu H2 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt do đó không có lời khai cũng như văn bản trình bày của bà Hồ Thị Mộng H1 và bà Ngô Thị Diệu H2 trong hồ sơ vụ án

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu về sự tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự. Theo đó: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật từ khâu thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ và mở phiên tòa xét xử. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

Về nội dung: đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự 2005.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N về việc tính tiền lãi 3.980.000 đồng đối với bà Hồ Thị Mộng H1.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* của bà Trần Thị N đối với bà Hồ Thị Mộng H1.

- Buộc bà Hồ Thị Mộng H1 phải trả cho bà Trần Thị N số tiền gốc: 4.000.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H1 phải chịu án phí theo quy định đối với yêu cầu khởi kiện của bà N được HĐXX chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: tại thời điểm thụ lý vụ án Tòa án xác định đây là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Trần Thị N với bị đơn bà Hồ Thị Mộng H1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, tp Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân quận S đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Hồ Thị Mộng H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Diệu H2 nhưng tại phiên tòa hôm nay bà H1 và bà H2 vắng

mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà H1 và bà H2.

Về áp dụng luật: Giấy mượn tiền giữa bà H1 và bà N được ký kết vào ngày 29/8/2012 do đó áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết vụ án trên.

[2]. Về nội dung vụ án:

Ngày 29/8/2012, qua mối quan hệ quen biết, bà N cho bà H1 vay số tiền là 4.000.000 đồng (có giấy mượn tiền ngày 29/8/2012 do bà H1 viết và ký xác nhận). Trong nội dung giấy mượn tiền bà H1 hẹn trả vào ngày 25 dương lịch hàng tháng sẽ trả số tiền là 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ. Tuy nhiên hết thời hạn trả nợ 25/12/2012 như giấy nợ thì bà H1 không trả nợ theo cam kết. Bà N nhiều lần yêu cầu bà H1 trả nợ nhưng bà H1 không trả và hứa hẹn nhiều lần. Theo như trình bày của bà N sau đó bà H1 có cam kết mỗi tháng mẹ bà H1 là bà Ngô Thị Diệu H2 sẽ trả 1 triệu đồng (chữ viết do bà H1 viết và chữ ký là bà H2 ký).

Nay bà N đã tính lãi chậm phát sinh kể từ ngày 29/12/2012 cho đến ngày 29/5/2024 là 1%/tháng đối với số tiền gốc là 4.000.000 đồng tương ứng 137 tháng với với số tiền là 5.480.000 đồng. Quá trình vay bà H1 đã trả cho bà N được 2 lần tiền lãi với tổng tiền là 1.500.000 đồng. Hiện nay, bà H1 còn nợ bà số tiền lãi là 3.980.000 đồng. Tại phiên tòa, bà N xin rút yêu cầu tính lãi và chỉ yêu cầu bà Hồ Thị Mộng H1 trả số nợ gốc là 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng)*. Phía bị đơn bà Hồ Thị Mộng H1 và người liên quan bà Ngô Thị Diệu H2 vắng mặt không có ý kiến.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Việc vay tiền giữa bà N và bà H1 có xác lập giấy mượn tiền ngày 29/8/2012. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giấy vay tiền đã ký kết. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bà H1 và bà H2 nhưng cả hai bà đều không có văn bản ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà N và cũng không có mặt trong các buổi Tòa án mời lên hòa giải. Căn cứ theo giấy vay tiền trên đều có đầy đủ chữ ký, chữ viết của bà H1 và có bà H2 có xác nhận đảm bảo. Việc bà H1 là bên vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà N. Do đó yêu cầu của bà N buộc bà Hồ Thị Mộng H1 phải trả một lần số tiền gốc **4.000.000** đồng là có cơ sở và phù hợp với Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005.

[4] Về tiền lãi: Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai bà N yêu cầu bà Hồ Thị Mộng H1 trả số nợ lãi cho 137 tháng kể từ ngày 29/12/2012 đến ngày 29/5/2024 là 3.980.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa, bà N xin rút yêu cầu tính tiền lãi trên. Xét thấy, việc rút yêu cầu trên là sự tự nguyện của bà Trần Thị N nên Hội đồng xét xử chấp nhận không xem xét giải quyết về tiền lãi trong tranh chấp này.

[5] Đối với yêu cầu của bà N về việc buộc bà Ngô Thị Diệu H2 có trách nhiệm trả khoản nợ trên cùng với bà Hồ Thị Mộng H1 thì thấy:

Căn cứ theo giấy mượn tiền ngày 29/8/2024, có chữ ký và chữ viết nhận nợ do bà H1 viết. Bà N cũng xác nhận bà H1 là người vay tiền nhưng do tin tưởng bà H2 (là mẹ ruột bà H1) nên bà mới cho bà H1 vay tiền. Mặt khác, trong giấy mượn tiền có chữ ký "Hoa" mà không có ghi rõ họ và tên cụ thể trong phần cam kết mỗi tháng mẹ bà là bà H2 sẽ trả 1 triệu đồng (phần cam kết này bà H1 là người viết). Tại phiên tòa, Bà N cũng xác định rõ người vay tiền của bà là bà Hồ Thị Mộng H1 và xin rút yêu cầu buộc bà

Ngô Thị Diệu H2 cùng có trách nhiệm trả nợ. Do đó Hội đồng xét xử chỉ xem xét trách nhiệm trả nợ đối với bà Hồ Thị Mộng H1.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Trần Thị N được chấp nhận nên bà Hồ Thị Mộng H1 phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật đối với số tiền phải trả là 4.000.000 đồng tương ứng với số tiền án phí là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 471, 474 BLDS 2005,

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N về việc tính tiền lãi 3.980.000 đồng đối với bà Hồ Thị Mộng H1.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* của bà Trần Thị N đối với bà Hồ Thị Mộng H1.

Xử:

1.Buộc bà Hồ Thị Mộng H1 phải trả cho bà Trần Thị N số tiền **4.000.000** đồng (Bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Thị Mộng H1 phải chịu 300.000 đồng.

- Hoàn trả cho bà Trần Thị N số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, Đà Nẵng theo biên lai số 0002619 ngày 05/6/2024.

3. Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- VKSND quận S, TP. ĐN;
- Chi cục THADS quận S, TP. ĐN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hạnh